

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2024
V/v Ly hôn và tranh chấp
quyền nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Diệu.

Bà Võ Thị Diễm Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hồng G, sinh năm 1990 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1989 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng G trình bày: Bà với ông Trần Văn S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 29/7/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: Bà với ông S có một người con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2014 hiện đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà với ông S tự nguyện thoả thuận không đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung và nợ phải thu: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2024 của bị đơn ông Trần Văn S trình bày: Ông thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Hồ Thị Hồng G khai là đúng. Nay bà G xin ly hôn với ông, ông có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà G.

- Về con chung: Ông với bà G có 01 người con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2014 hiện đang sống chung với bà G, khi ly hôn ông đồng ý để bà G nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông với bà G tự thoả thuận, không đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung và nợ phải thu: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của cháu Trần Quốc K: Cháu là con của ông S với bà G, hiện tại cháu đang sống chung với bà G. Sau khi ba mẹ ly hôn, thì cháu có nguyện vọng sống chung với bà G.

Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn thì không chấp hành theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Bà Hồ Thị Hồng G là nguyên đơn và ông Trần Văn S là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Hồng G và ông Trần Văn S.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, bà Hồ Thị Hồng G khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn S nên vụ án được thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn S là bị đơn trong vụ án đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Về nội dung vụ án:

[3]. Bà Hồ Thị Hồng G với ông Trần Văn S kết hôn vào ngày 29 tháng 7 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đây là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Hồng G yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S, vì cho rằng hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến tháng 5 năm 2022, bà G bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nhau, không có khả năng hòa hợp sống hạnh phúc, nên xin ly hôn với ông S là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông S được Tòa án triệu tập hòa giải vào các ngày 24 tháng 4 năm 2024 và ngày 06 tháng 6 năm 2024, nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do, coi như ông S không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tại bản tự khai, ngày 22 tháng 7 năm 2024, ông S cũng thống nhất ly hôn với bà G. Mặt khác, qua xác minh từ gia đình ông S và chính quyền địa phương ấp T, xã T xác định ông S với bà G cũng có mâu thuẫn xuất phát từ phía vợ chồng và tác động của gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Trước đây, Tòa án có thụ lý giải quyết đơn yêu cầu ly hôn của bà G với ông S, nhưng sau đó bà G rút đơn khởi kiện nên Tòa án đình chỉ. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định mục đích hôn nhân giữa bà G với ông S không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, cho bà G với ông S được ly hôn với nhau.

[5]. Về con chung: Bà G với ông S có 01 người con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 10/01/2014, hiện nay cháu K đang sống chung với bà G. Khi ly hôn, ông S đồng ý giao cháu K cho bà G nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con, bà G cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với bà G. Xét thấy, bà G yêu cầu được nuôi cháu K, ông S cũng thống nhất với yêu cầu của bà G và cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với bà G nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, giao cho bà G tiếp tục nuôi 01 người con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 10/01/2014, ông

S không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6]. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Hồng G với ông Trần Văn S tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

[7]. Về nợ chung và nợ phải thu: Bà Hồ Thị Hồng G với ông Trần Văn S khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

[8]. Từ các cơ sở phân tích và nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng G. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[9]. Buộc bà Hồ Thị Hồng G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Hồng G.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Hồng G được ly hôn với ông Trần Văn S.
3. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc K, sinh ngày 10/01/2014 cho bà Hồ Thị Hồng G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
Ông Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở.
4. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Hồng G với ông Trần Văn S tự nguyện thoả thuận không yêu cầu nên không xem xét.
5. Về nợ chung và nợ phải thu: Bà Hồ Thị Hồng G với ông Trần Văn S khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra đề giải quyết.
6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Hồ Thị Hồng G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002489 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà Hồ Thị Hồng G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Hoàng Vân